

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng
gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung các điểm c, d, g, h và i khoản 5 Điều 2 Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Liên Bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung trong việc phối hợp giữa cơ quan Tài nguyên và Môi trường và cơ quan Kiểm lâm trực thuộc cơ quan Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là cơ quan Kiểm lâm) khi thực hiện các công việc sau đây:

- a) Giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp lần đầu;
- b) Hoàn thiện hồ sơ giao rừng, thuê rừng đối với trường hợp đã được giao đất, thuê đất lâm nghiệp có rừng hoặc công nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có rừng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) nhưng chưa lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng;
- c) Hoàn thiện hồ sơ địa chính đối với trường hợp đã được giao rừng, thuê rừng nhưng chưa được giao đất, thuê đất lâm nghiệp hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận.

2. Trường hợp giao đất, thuê đất chưa có rừng để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp hoặc công nhận quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất có rừng tự trồng bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước thì thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; các tổ chức; hộ gia đình, cá nhân trong nước; cộng đồng dân cư thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi là cộng đồng dân cư thôn); người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp; quản lý, sở

hữu hoặc sử dụng rừng theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đất quy hoạch cho lâm nghiệp là quỹ đất đã có rừng hoặc chưa có rừng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch cho mục đích phát triển lâm nghiệp, được xác định theo tiểu khu rừng, khoảnh rừng và lô rừng quản lý. Riêng đối với những khu rừng sản xuất, khu rừng phòng hộ phân tán có thể được xác định đến thửa đất lâm nghiệp.

2. Đất lâm nghiệp là đất đang có rừng tự nhiên hoặc đang có rừng trồng đạt tiêu chuẩn rừng theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; đất đang khoanh nuôi để phục hồi rừng; đất mới trồng rừng nhưng chưa thành rừng; đất đang trồng rừng hoặc đã giao, cho thuê để trồng rừng và diện tích đất trống trong các khu rừng đặc dụng hoặc diện tích đất trống được bảo vệ trong các khu rừng khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 4. Một số quy định chung

1. Bản đồ sử dụng trong giao rừng, cho thuê rừng và giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp có hệ quy chiếu VN-2000 với tỷ lệ cơ bản là 1/10000 hoặc 1/5000.

Trường hợp địa phương đã có bản đồ địa chính thì phải sử dụng bản đồ này để giao rừng, cho thuê rừng và giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp.

Trường hợp địa phương chưa có bản đồ địa chính thì sử dụng bản đồ địa hình ở tỷ lệ lớn nhất hiện có (kể cả loại bản đồ địa hình ở tỷ lệ lớn hơn 1/5000 hoặc bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25000) để giao rừng, cho thuê rừng và giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp. Trường hợp các loại bản đồ hiện có chưa ở hệ quy chiếu VN-2000 thì phải chuyển về hệ quy chiếu VN-2000 trước khi sử dụng.

2. Giấy chứng nhận, hồ sơ địa chính và các tài liệu khác có liên quan đến đất lâm nghiệp của cơ quan quản lý đất đai, của người sử dụng đất lâm nghiệp phải ghi nhận các thông tin về rừng quy định tại Điều 10, Chương III của Thông tư này. Thông tin về rừng ghi trên Giấy chứng nhận được tổng hợp từ hồ sơ giao rừng, thuê rừng do cơ quan kiểm lâm có thẩm quyền cung cấp hoặc thẩm định và xác nhận.

3. Đối với diện tích đất lâm nghiệp đã được giao, cho thuê hoặc được công nhận quyền sử dụng đất và được giao rừng, cho thuê rừng theo các quy định của Nhà nước trước khi Thông tư này có hiệu lực thì hồ sơ giao rừng, thuê rừng và hồ sơ giao đất, thuê đất, hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận vẫn có giá trị pháp lý, không phải lập lại thủ tục

theo quy định tại Thông tư này. Khi người được giao rừng, thuê rừng và được giao đất, thuê đất hoặc được công nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có nhu cầu đổi lại Giấy chứng nhận thì sẽ được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

GIAO RỪNG, THUÊ RỪNG GẮN LIỀN VỚI GIAO ĐẤT, THUÊ ĐẤT LÂM NGHIỆP VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 5. Thủ tục giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận

1. Trình tự, thủ tục giao rừng, thuê rừng và lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (sau đây gọi là Thông tư số 38/2007/TT-BNN) và quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 11 của Thông tư này.

Trình tự, thủ tục giao đất, thuê đất, cấp Giấy chứng nhận và lập hồ sơ địa chính đối với đất lâm nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định tại Điều 6, Điều 8 của Thông tư này; riêng mẫu văn bản áp dụng trong việc thực hiện thủ tục về giao đất, thuê đất lâm nghiệp được thay bằng mẫu văn bản áp dụng trong việc thực hiện thủ tục về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

2. Nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị và thời gian giải quyết thủ tục giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất, cấp Giấy chứng nhận đối với đất lâm nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Thời gian luân chuyển hồ sơ giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp giữa cơ quan Tài nguyên và Môi trường và cơ quan Kiểm lâm trong quá trình thực hiện thủ tục giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

Điều 6. Sự phối hợp giữa cơ quan Tài nguyên và Môi trường và cơ quan Kiểm lâm trong việc giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất hoặc cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với đất lâm nghiệp có rừng

1. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường sau khi nhận được hồ sơ đề nghị được giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp hoặc hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận, có trách nhiệm thẩm định hồ sơ về điều kiện giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật đất đai; đồng thời sao gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đó cho cơ quan Kiểm lâm cùng cấp để thẩm định về điều kiện giao rừng, thuê rừng.

2. Cơ quan Kiểm lâm sau khi nhận được hồ sơ do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến, có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến bằng văn bản về việc giao rừng, cho thuê rừng và gửi cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

3. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường tập hợp hồ sơ giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp hoặc hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định giao rừng, thuê rừng và giao đất, thuê đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận; cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu địa chính.

4. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận theo đề nghị của cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Sự phối hợp giữa cơ quan Tài nguyên và Môi trường và cơ quan Kiểm lâm trong việc hoàn thiện hồ sơ giao rừng, thuê rừng đối với trường hợp đã được giao đất, thuê đất lâm nghiệp có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có rừng nhưng chưa lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng

1. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin trong hồ sơ địa chính đối với những diện tích đất lâm nghiệp đã giao, đã cho thuê, đã được công nhận quyền sử dụng đất để cơ quan Kiểm lâm hoàn thiện hồ sơ giao rừng, thuê rừng.

2. Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm tổ chức việc rà soát các thông tin về rừng, bao gồm mục đích sử dụng rừng, diện tích rừng, nguồn gốc, vị trí, ranh giới trên hồ sơ địa chính và thực địa.

Trường hợp các thông tin về rừng trên thực địa phù hợp với hồ sơ địa chính thì cơ quan Kiểm lâm lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng theo quy định tại khoản 2, Điều 11, Chương III của Thông tư này và gửi cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường để bổ sung thông tin vào Giấy chứng nhận và hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu địa chính.

Trường hợp các thông tin về rừng trên thực địa không phù hợp với hồ sơ địa chính, thì tùy theo mức độ sai lệch, cơ quan Kiểm lâm thông báo cho cơ quan Tài